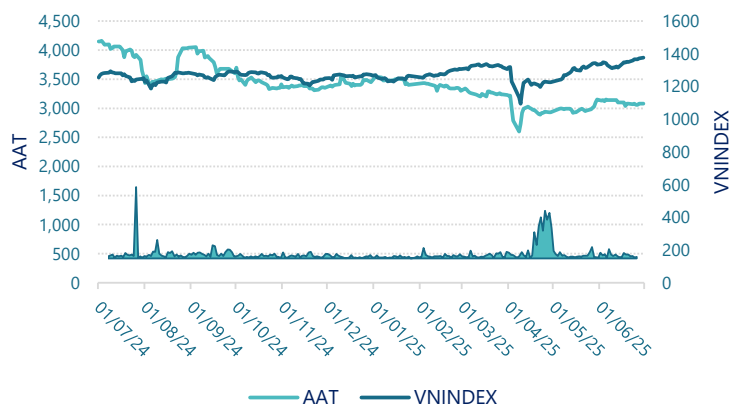


CTCP Tập đoàn Tiên Sơn Thanh Hóa (HSX: AAT)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	3,080
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	4,160
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	2,600
SL cổ phiếu LH	70,819,103
KLGD BQ 20 phiên (CP)	99,875
% sở hữu nước ngoài	0.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	218
P/E	44.1
EPS	70

DT thuần

Q2/25

179

tỷ VNĐ

QoQ: ▼28.0 | -13.4%

YoY: ▼1.00 | -0.4%

LN sau thuế

Q2/25

4.82

tỷ VNĐ

QoQ: ▼4.66 | -49.2%

YoY: ▲ 0.45 | 10.2%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

9.3%

+/- YoY: ▲ 4.3%

DT thuần

6T 2025

386

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 2.00 | 0.5%

LN sau thuế

6T 2025

14.3

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 7.81 | 120%

ROE

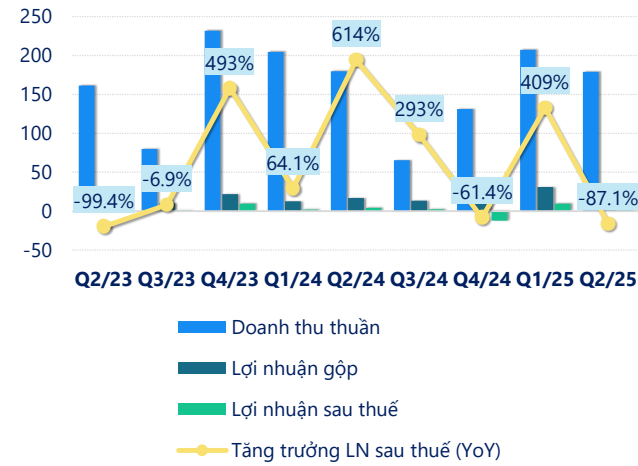
Q2/25

0.7%

+/- YoY: ▼ 1.7%

tỷ VNĐ

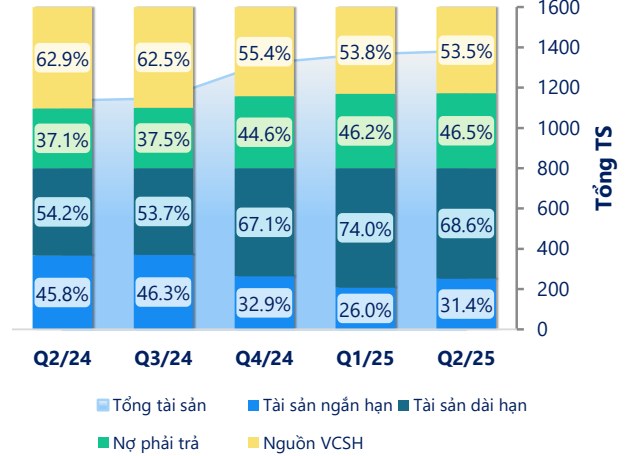
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

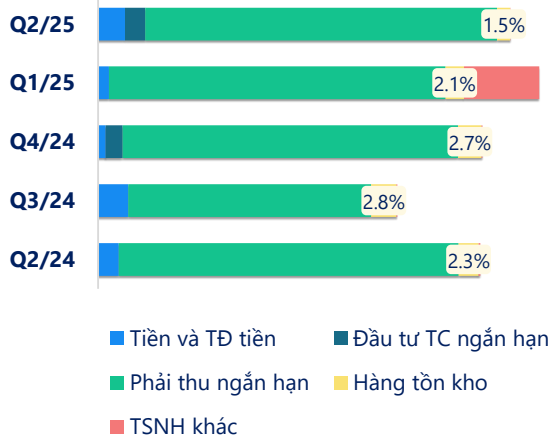
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



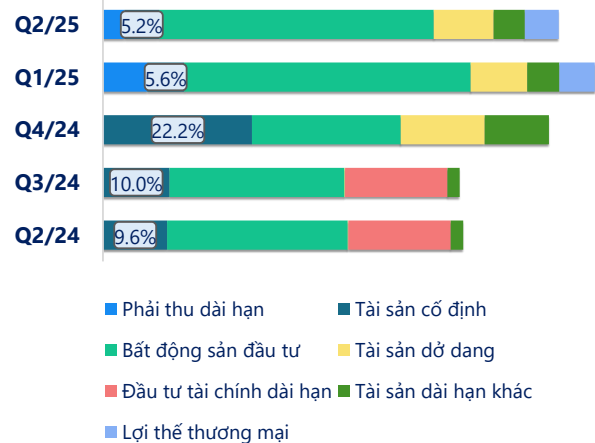
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

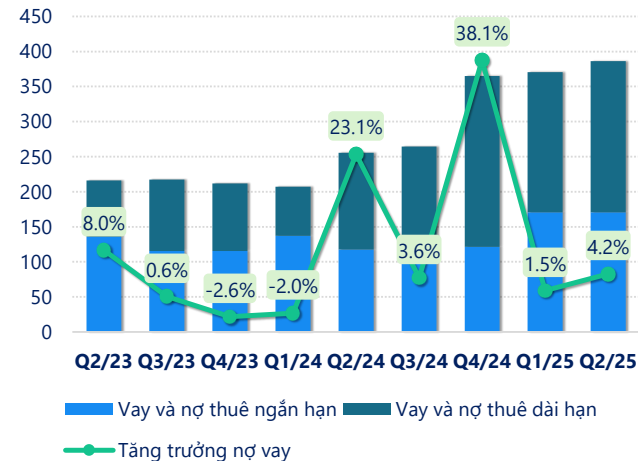
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

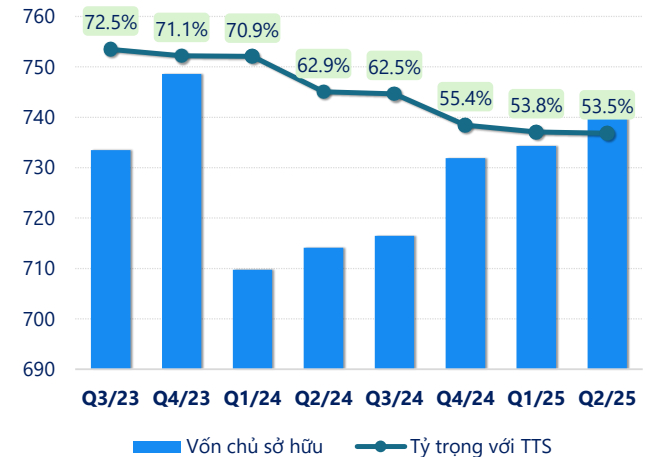
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

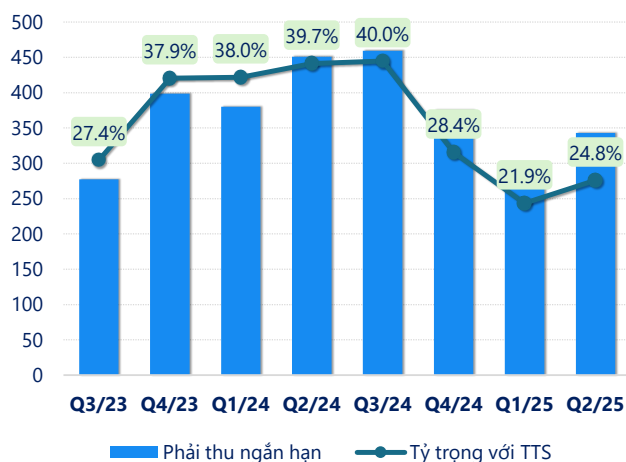
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



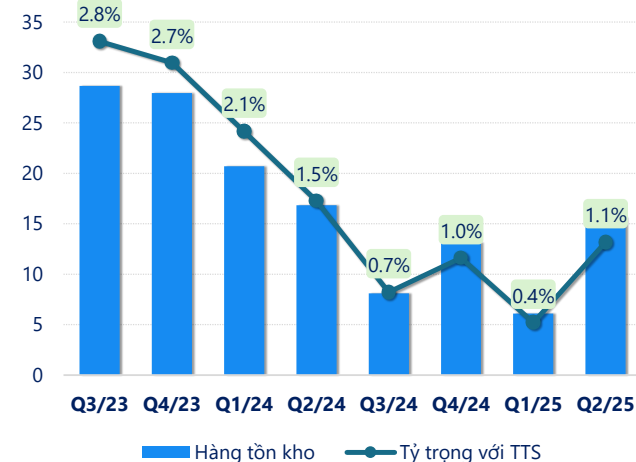
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


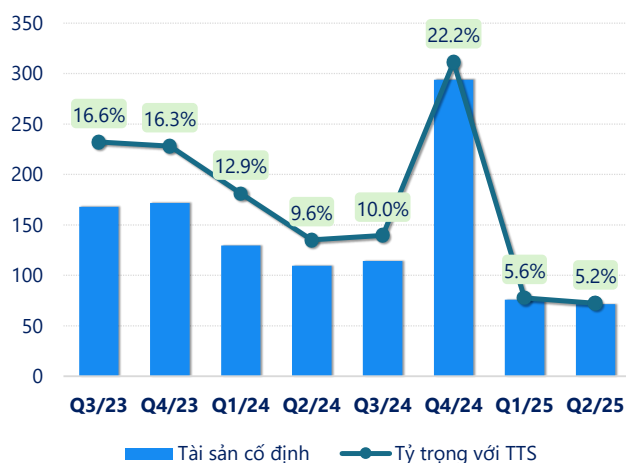
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


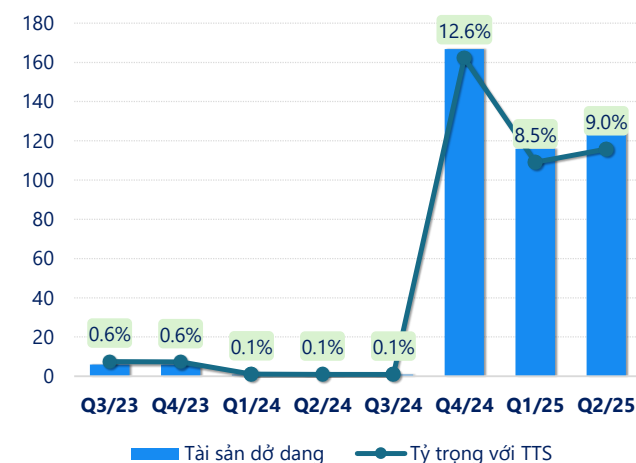
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

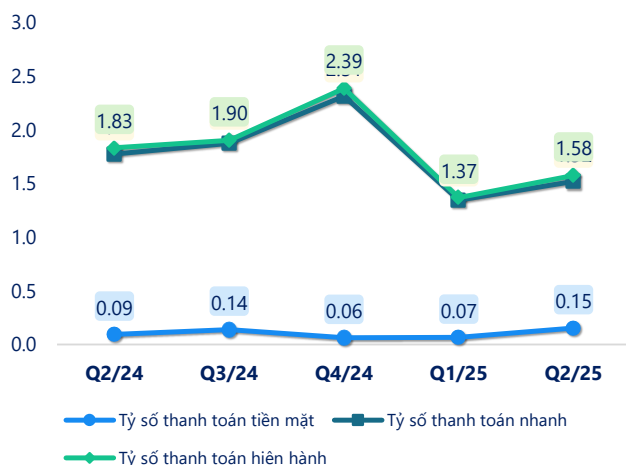
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

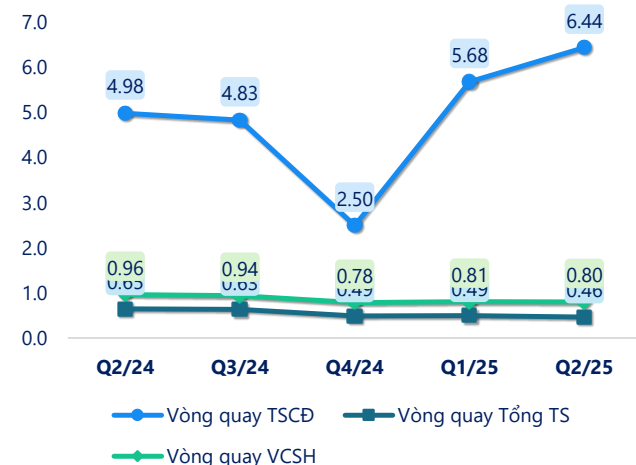
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	1,136	1,147	1,322	1,365	1,382
Tài sản ngắn hạn	520	531	435	355	434
Tiền và tương đương tiền	26.5	39.0	11.5	16.9	42.2
Đầu tư tài chính ngắn hạn	25.6	25.0	26.6	25.7	22.5
Phải thu ngắn hạn	451	459	375	299	343
Hàng tồn kho	16.8	8.10	13.1	6.09	15.6
Tài sản ngắn hạn khác	0.12	0.12	8.37	7.57	10.6
Tài sản dài hạn	616	616	887	1,010	948
Phải thu dài hạn	0.34	0.34	2.15	90.9	45.1
Tài sản cố định	110	114	294	75.8	71.4
Bất động sản đầu tư	308	302	296	589	572
Tài sản dở dang	0.81	0.81	167	116	124
Đầu tư tài chính dài hạn	175	177	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	21.2	20.8	128	66.1	64.7
Lợi thế thương mại	0	0	0	72.7	71.0
Nợ phải trả	422	431	590	631	642
Nợ ngắn hạn	284	279	182	260	276
Vay và nợ thuê ngắn hạn	118	113	121	170	171
Phải trả người bán ngắn hạn	14.4	17.9	21.4	15.3	13.5
Nợ dài hạn	138	151	408	371	367
Vay và nợ thuê dài hạn	138	151	244	200	216
Nguồn vốn chủ sở hữu	714	716	732	734	740
Vốn chủ sở hữu	714	716	732	734	740
Vốn điều lệ	708	708	708	708	708
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)